

Số: ~~1618~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Y học thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-TC ngày 26/3/1976 của Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội (nay là UBND thành phố Hà Nội) về việc thành lập Hội Y học thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội Y học thành phố Hà Nội tại Văn bản số 41/BC-HYH ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 592/TTr-SNV ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Y học thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Y học thành phố Hà Nội, đã được Đại hội đại biểu khóa VII, nhiệm kỳ 2018-2023 của Hội Y học thành phố Hà Nội thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2018 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Hội Y học thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Y tế; các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Y học thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP: N.V.Sửu;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH, KG-VX;
- Lưu: VT.

9/05 (10)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

Hội Y học thành phố Hà Nội

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Y học thành phố Hà Nội.
2. Tên tiếng Anh: Ha Noi Medical Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: HMA.
4. Biểu tượng: Hội Y học thành phố Hà Nội có biểu tượng được đăng ký bảo hộ theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Y học thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của tổ chức và công dân Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực y học theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Mục đích: Tập hợp, liên kết các hội viên để hợp tác, hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần xây dựng ngành y tế tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; góp phần phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi thành phố Hà Nội trong lĩnh vực y học theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước, quản lý về hoạt động chuyên môn của Sở Y tế, Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định pháp luật.

Điều 4. Tư cách pháp nhân, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (đồng Việt Nam và ngoại tệ) tại ngân hàng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội Y học được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Trụ sở: số 4, phố Sơn Tây, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, giám sát và phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ của hội viên và của xã hội.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ của Thành phố giao, được nhận các nguồn tài trợ, giúp đỡ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết các hội thành viên và hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội thành viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích nhằm phát triển lĩnh vực chuyên môn liên quan đến hoạt động

của Hội.

3. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định pháp luật.

4. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Xây dựng và ban hành các quy chế và quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

6. Quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo Điều lệ và quy chế của Hội, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

7. Hàng năm, Hội thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội với UBND thành phố Hà Nội, Sở Y tế, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành có liên quan.

8. Thực hiện quy định của pháp luật về nghiệp vụ công tác Hội, công tác văn thư lưu trữ.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội, hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực y học, có đủ điều kiện và tiêu chuẩn, tự nguyện tham gia và tán thành Điều lệ Hội, có đơn đăng ký tham gia làm hội viên chính thức của Hội.

Hội viên tổ chức (hội thành viên) gồm:

a) Hội chuyên khoa có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật, cử người đại diện có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến trách nhiệm của Hội và hội viên trong hoạt động của Hội; khi thay đổi người đại diện phải có thông báo bằng văn bản cho Ban Thường vụ Hội Y học thành phố Hà Nội.

b) Tổ chức Hội chuyên khoa chưa có tư cách pháp nhân, không có con dấu và tài khoản riêng do Hội quyết định thành lập;

c) Các tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học thành phố Hà Nội, do Hội thành lập theo quy định (liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ,... thuộc Hội).

2. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam có tâm huyết, uy tín, kinh nghiệm và có công lao đối với sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, được Ban Chấp hành Hội nhất trí mời làm hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên/Hội thành viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được cử đại biểu tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, giới thiệu đại diện tham gia Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh Lãnh đạo Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được quyền ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn hội viên, kết nạp, khai trừ hội viên theo Điều lệ của hội thành viên.
7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
8. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên/Hội thành viên.
10. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên/Hội thành viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội; thực hiện các nghị quyết, quyết định, chương trình hoạt động của Hội.
2. Tích cực hoạt động, mở rộng uy tín và ảnh hưởng của Hội. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên/Hội thành viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Hội theo quy định.
5. Phối hợp với các hội viên/Hội thành viên khác để thực hiện nhiệm vụ do Hội giao.
6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Trình tự, thủ tục kết nạp, quản lý hội viên/tổ chức thành viên

1. Cá nhân, tổ chức tự nguyện tuân thủ Điều lệ này làm đơn xin gia nhập hoặc xin thôi phải có đơn gửi Ban Chấp hành Hội Y học xem xét, quyết định.

2. Ban Chấp hành Hội Y học quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục kết nạp, quản lý hội viên/hội thành viên.

3. Hội viên/tổ chức thành viên của Hội Y học bị xem xét chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp:

a) Cá nhân bị chết hoặc vi phạm pháp luật bị mất quyền công dân;

b) Tổ chức:

- Không hoạt động liên tục trong 12 tháng;

- Bị giải thể;

- Hoạt động vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và pháp luật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức:

1. Đại hội (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu).

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Hội thành viên, pháp nhân thuộc Hội.

6. Văn phòng, các ban chuyên môn.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên của Hội Y học đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số đại biểu triệu tập có mặt; việc phân bổ số lượng đại biểu đi dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội Y học quyết định.

3. Khi đến kỳ Đại hội hoặc Đại hội bất thường, Ban Chấp hành Hội phải báo cáo, xin phép Sở Nội vụ, Sở Y tế trước 30 ngày. Khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước được UBND Thành phố ủy quyền, Hội mới được phép tổ chức Đại hội.

4. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ mới; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo hoạt động Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính nhiệm kỳ;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung, nếu có);

- c) Quyết định đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);
- d) Quyết định mức thu hội phí;
- đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- e) Thảo luận và quyết định các nội dung khác (nếu có);
- f) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu hoặc hiệp thương. Việc bầu hoặc hiệp thương, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ và hoạt động hàng năm của Hội;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế quy định trách nhiệm, mối quan hệ giữa Hội Y học với hội thành viên; Quy chế quản lý hội viên của hội thành viên; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định pháp luật;

d) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội thông qua;

đ) Xem xét, giới thiệu nhân sự dự kiến Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới trình Đại hội trên cơ sở đề nghị của các Hội thành viên;

e) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành; nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do

Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Các ủy viên Ban Kiểm tra không kiêm nhiệm ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra

- a) Bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra;
- b) Kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;
- c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Hội đối với các Hội thành viên, hội viên, tổ chức thuộc Hội;
- d) Tiếp nhận, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội Y học;
- đ) Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ Ban Kiểm tra các Hội thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm tra.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế về tổ chức và hoạt động do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội Y học thành phố Hà Nội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định; Chủ tịch Hội không tham gia cùng lúc là Chủ tịch của Hội khác.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;
- c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;
- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;
- đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch;

chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định pháp luật.

Điều 19. Tổng Thư ký

Tổng Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung; ghi chép biên bản các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, thường xuyên theo dõi, tổng hợp kết quả hoạt động của Hội và các hội thành viên.

Điều 20. Văn phòng và các ban chuyên môn

Văn phòng và các ban chuyên môn thuộc Hội là bộ phận giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt.

Điều 21. Các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học

1. Hội Y học được thành lập các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội, hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội Y học và quy định pháp luật hiện hành.

2. Pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học xây dựng Quy chế hoạt động phù hợp với Điều lệ Hội Y học, trình Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành thẩm định thông qua hoặc ban hành Quy chế hoạt động của các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học.

Điều 22. Mối quan hệ giữa Hội Y học, hội thành viên và các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Mối quan hệ giữa Hội Y học với Hội chuyên khoa có tư cách pháp nhân

a) Trách nhiệm của Hội Y học

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ của Thành ủy, UBND Thành phố giao về lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

- Thẩm định, cho ý kiến về hồ sơ Đại hội (nhiệm kỳ hoặc bất thường); dự thảo Điều lệ; về việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể hội chuyên khoa (nếu có).

- Ban hành quyết định, nghị quyết có liên quan đến hội chuyên khoa trên cơ sở đề xuất của hội chuyên khoa.

- Tạo điều kiện để các hội chuyên khoa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, giúp đỡ về nghiệp vụ công tác hội đối với hội chuyên khoa

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Hội Y học, Điều lệ hội chuyên khoa theo định kỳ hoặc đột xuất.

b) Trách nhiệm của Hội chuyên khoa có tư cách pháp nhân

- Tuân thủ Điều lệ Hội Y học; cụ thể hóa quy định của pháp luật về hội, Điều lệ Hội Y học, Điều lệ Hội chuyên khoa trong công tác điều hành, quản lý tổ chức, hoạt động của hội chuyên khoa.

- Báo cáo, xin ý kiến về công tác tổ chức Đại hội (nhiệm kỳ hoặc bất thường) với Hội Y học trước khi báo cáo cơ quan có thẩm quyền xin phép tổ chức Đại hội; báo cáo kết quả Đại hội; xin ý kiến về dự thảo Điều lệ, về việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể hội (nếu có).

- Phối hợp với Hội Y học tổ chức và quán triệt hội viên thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chuyên môn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tham gia các hoạt động chung của Hội Y học; thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội Y học liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội chuyên khoa.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định đối với Hội Y học và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Mối quan hệ giữa Hội Y học với tổ chức hội chuyên khoa chưa có tư cách pháp nhân, các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học

a) Trách nhiệm của Hội Y học

- Cho ý kiến bằng văn bản về công tác tổ chức và hoạt động đối với tổ chức hội chuyên khoa chưa có tư cách pháp nhân, các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học; yêu cầu giải trình về những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ; Quy chế tổ chức hoạt động của pháp nhân, tổ chức trên.

- Báo cáo UBND Thành phố và cơ quan có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động của các pháp nhân, tổ chức.

b) Trách nhiệm của tổ chức hội chuyên khoa chưa có tư cách pháp nhân, các pháp nhân, tổ chức cơ sở thuộc Hội Y học

- Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội Y học trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và quy định của Thành phố.

- Khi tổ chức các hoạt động phải có báo cáo bằng văn bản với Hội Y học về nội dung, nhân sự tham gia; chương trình kế hoạch; những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị, tổ chức thực hiện và sau khi kết thúc hoạt động.

- Thực hiện nhiệm vụ tư vấn phản biện chuyên môn và giám định xã hội khi được Hội Y học phân công.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Ban Chấp hành Hội Y học ban hành Quy chế làm việc giữa Hội Y học với hội thành viên và các pháp nhân thuộc Hội Y học.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 23. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất đổi tên

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia; tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên Hội phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hội đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Điều 24. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp:

- a) Tự giải thể khi hết thời hạn hoạt động, mục đích của Hội đã hoàn thành;
- b) Theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
- c) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Trình tự và thủ tục khi Hội tự giải thể thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
- b) Khi có nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà Ban Chấp hành Hội không chấp hành;
- c) Hoạt động của Hội vi phạm nghiêm trọng Hiến pháp và pháp luật hiện hành.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 25. Tài chính, tài sản

1. Tài chính của Hội:

- a) Nguồn thu của Hội:
 - Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.
 - Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định pháp luật.
 - Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật.
 - Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).
 - Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với quy định pháp luật.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định pháp luật.
3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội thành viên, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội thành viên, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật, tùy theo mức độ sai phạm, sẽ áp dụng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.
2. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài các hình thức kỷ luật nêu trên, còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.
3. Ban Chấp hành quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục thi hành kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 29. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức thuộc Hội có quyền tố cáo với cơ quan chức năng về sai phạm của các tập thể, cá nhân trong Hội; việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo tuân theo quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Khi có khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội, Ban Kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét giải quyết, quyền quyết định cuối cùng là Ban Chấp hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Y học thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ gồm có 08 Chương, 31 Điều đã được Đại hội Hội Y học thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2018 - 2023 nhất trí thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2018 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ của Hội, Ban Chấp hành Hội Y học thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2018 - 2023 có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

H. PH. Q. H.